

R

BỘ THƯƠNG MẠI  
TRƯỜNG CÁN BỘ THƯƠNG MẠI TRUNG ƯƠNG

-----

**BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỀ TÀI KHOA HỌC**  
**MÃ SỐ: 2002-78-025**

**CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐÀO TẠO NGHỀ**  
**CHO NGÀNH THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN TỚI 2010**

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: TIẾN SĨ PHẠM QUANG THAO**

**HÀ NỘI, THÁNG 2 NĂM 2004**

6634

6/1/07

**BỘ THƯƠNG MẠI  
TRƯỜNG CÁN BỘ THƯƠNG MẠI TRUNG ƯƠNG**

-----

**BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỀ TÀI KHOA HỌC  
MÃ SỐ: 2002-78-025**

**CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐÀO TẠO NGHỀ  
CHO NGÀNH THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN TỚI 2010**

**BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:**

**Chủ nhiệm: Tiến sĩ Phạm Quang Thao  
Phó chủ nhiệm: Thạc sĩ Trần Đình Sang  
Thư ký: Cử nhân Nguyễn Hải Thành**

**HÀ NỘI, THÁNG 2 NĂM 2004**

## LỜI MỞ ĐẦU

### Sự cần thiết thực hiện đề tài

Sự mở cửa nền kinh tế cùng các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế của đảng và nhà nước ta đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại phát triển nhanh mạnh.

Sự phát triển của ngành thương mại kéo theo nhu cầu của xã hội đối với nhân viên nghề cho ngành thương mại cũng gia tăng. Bên cạnh đó một loạt những nghề mới phục vụ cho ngành Thương mại như nhân viên bán hàng siêu thị, nhân viên bán hàng qua mạng... cũng phát triển theo. Mỗi nghề mới lại có những yêu cầu và đòi hỏi về các kiến thức kỹ năng rất riêng biệt đòi hỏi đào tạo nghề cho ngành thương mại phải đáp ứng được.

Trong khi đó năng lực đào tạo nghề cho ngành Thương mại hiện đang gặp rất nhiều khó khăn thách thức do quy mô tăng nhanh số lượng giáo viên ít làm tỷ lệ học sinh trên số lượng giáo viên cao vượt mức tiêu chuẩn đề ra, chất lượng học sinh đầu vào không cao do thường là những học sinh thi trượt đại học, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy còn thiếu, trình độ giáo viên hạn chế, ít kinh nghiệm thực tiễn, thu nhập thấp ... Đây là những vấn đề rất hệ trọng cần được tháo gỡ để có thể sớm đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội về nhân viên nghề cho ngành Thương mại.

Hơn nữa, cho đến nay, khái niệm nghề cho ngành Thương mại còn chưa được làm rõ, vẫn còn nhiều tranh luận về vấn đề này, vì vậy việc tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học: “Các giải pháp nâng cao năng lực đào tạo nghề cho ngành thương mại giai đoạn tới 2010” là thực sự cần thiết và cấp bách hiện nay.

### Mục tiêu nghiên cứu:

- Làm rõ lý luận chung về nghề cho ngành Thương mại.
- Dự báo nhu cầu về số lượng và chất lượng đối với nhân viên nghề trong ngành Thương mại tới năm 2010.
- Đánh giá thực trạng năng lực đào tạo nghề cho ngành thương mại của Bộ thương mại
- Kiến nghị những giải pháp nhằm nâng cao năng lực đào tạo nghề cho ngành Thương mại của các Trường đào tạo nghề của Bộ thương mại giai

đoạn tới 2010.

**Đối tượng nghiên cứu:**

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề xung quanh nghề cho ngành thương mại. Theo nghĩa hẹp, nghề cho ngành Thương mại đề tài tập trung nghiên cứu là những nghề thuộc hệ đào tạo do Tổng cục dạy nghề quản lý, có thời gian đào tạo ngắn dưới 3 năm

**Phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

Những trường tiến hành nghiên cứu tập trung vào 8 trường trực thuộc Bộ thương mại

Thời gian tiến hành nghiên cứu từ năm 1996 đến năm 2010.

**Đóng góp của đề tài:**

Đề tài sẽ góp phần hoàn thiện lý luận chung về nghề cho ngành Thương mại làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định quy hoạch, chính sách đối với công tác đào tạo nghề cho ngành Thương mại.

Kết quả của đề tài sẽ được các Trường đào tạo nghề cho ngành Thương mại sử dụng để nâng cao năng lực đào tạo.

Đề tài sẽ là cơ sở quan trọng cho những điều chỉnh về nội dung chương trình đào tạo, về giáo viên, cơ sở vật chất nhằm hoàn thiện công tác đào tạo nghề của Trường Cán bộ Thương mại Trung ương.

Đề tài sẽ là cơ sở quan trọng cho việc định hướng xây dựng các chương trình đào tạo nghề cho ngành thương mại tại Trường Cán bộ Thương mại Trung ương.

**Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận ra được kết cấu làm 3 chương như sau:

**Chương 1:** Cơ sở khoa học về đào tạo nghề cho ngành Thương mại

**Chương 2:** Thực trạng công tác đào tạo nghề cho ngành Thương mại

**Chương 3:** Các giải pháp nhằm nâng cao năng lực đào tạo nghề cho ngành Thương mại giai đoạn tới 2010.

## CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NGHỀ CHO NGÀNH THƯƠNG MẠI

### 1.1 - KHÁI NIỆM PHÂN LOẠI VÀ VAI TRÒ CỦA NGHỀ CHO NGÀNH THƯƠNG MẠI

#### 1.1.1 - Khái niệm nghề:

Khái niệm nghề ta quen dùng bây giờ có liên hệ với hai từ Hán Việt Nghề và Nghiệp trong câu nói "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh" từ nghề ở đây có nghĩa là nghề. Miền Nam trước đây các trung tâm dạy nghề đã từng được gọi là "Trung tâm huấn nghề", Từ nghề như vậy thường có mặt trong các từ ghép như nghề nhân, nghề sĩ được hiểu là người chuyên nghề, giỏi nghề, lành nghề trong một lĩnh vực thủ công nào đó, thường có liên hệ với ý nghĩa mỹ nghệ, nghệ thuật.

Từ nghề đứng riêng khi nói đến một công việc chuyên làm, tên nghề thường ghép thêm lĩnh vực hoạt động, thí dụ nghề dạy học nghề nông, nghề đánh cá. Khi nói đến nghề khái quát, không gắn với tên một công việc chuyên làm thì ta thường ghép từ nôm "nghề" với từ Hán Việt "nghiệp" thành từ ghép "nghề nghiệp".

Từ điển tiếng Việt có đưa ra định nghĩa "nghề" như sau:

"Nghề là công việc chuyên làm theo sự phân công của xã hội".

Tuy nhiên khái niệm này đến nay cần phải xem lại trong điều kiện kinh tế thị trường, ở đó con người không chỉ làm việc cứng nhắc theo sự phân công lao động xã hội mà còn là nhu cầu cá nhân. Như vậy, mỗi người không thể chỉ có một nghề, không gắn bó với suốt cả cuộc đời một người, mà có sự chuyển nghề đổi nghề, mở ra các nghề diện rộng, và một người có thể đồng thời làm nhiều nghề. Nếu nghề chính có mang nặng ý nghĩa phân công lao động xã hội thì các nghề phụ, nhất là các nghề phụ khác, chưa hẳn đều là như vậy. Chỉ có một điểm rút ra là

nền kinh tế đang chuyển đổi khái niệm nghề cũng cần phải có những khía cạnh thay đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình mới, và từ đó mà việc đào tạo nghề cũng cần phải có sự đổi mới. Ở đây vấn đề liên quan giữa khái niệm nghề và khái niệm việc làm hoặc công việc. Sự giao thoa của các khái niệm trên còn đang xuất hiện trong một thương trường phát triển mới. Chúng ta chỉ so sánh, đối chiếu thuật ngữ nước ngoài về khái niệm nghề để nêu lên đặc trưng chung nhất của nó.

Thuật ngữ "nghề" ở Âu Mỹ thường có gốc tiếng La Tinh là profession xuất phát từ đó có tiếng Nga, tiếng Pháp là professio, tiếng Anh cũng là profession,... Trong mỗi thứ tiếng, còn có các từ đồng nghĩa gần gũi, tiếng Pháp còn có métier, carriere, tiếng Anh còn có occupation, Vocation Career... Tuy nhiên thuật ngữ mang tính chất khoa học mà nhiều từ điển bách khoa của các nước định nghĩa vẫn là thuật ngữ có gốc la tinh là professio.

Trong tiếng Nga nghề được định nghĩa là một loạt hoạt động lao động đòi hỏi có một sự đào tạo nhất định và thường là nguồn gốc của sự sinh tồn.

Từ điển Bách Khoa cỡ lớn của Liên Xô cũ gồm 30 tập có định nghĩa dài, ở đây rút ra một số ý chính như sau: "Nghề" là loại hoạt động lao động của con người nắm vững kiến thức lý thuyết chuyên môn tổng hợp và kỹ năng thực tiễn, lĩnh hội được do kết quả đào tạo và kinh nghiệm làm việc. Hoạt động nghề nghiệp thường là nguồn gốc cơ bản của sự sinh tồn. Tên nghề nghiệp xác định bằng đặc trưng và nội dung của công việc hoặc chức năng phục vụ, công cụ sử dụng và đối tượng lao động tùy theo sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, người ta dùng các công cụ lao động và công nghệ sản xuất hoàn thiện hơn mà phát sinh các dạng sản xuất mới và các lĩnh vực khoa học mới làm sâu sắc thêm sự phân công lao động. Do đó xuất hiện thêm nhiều nghề, và

mỗi nghề có thể chia thành nhiều chuyên nghề.

Nghề trong sản xuất thủ công nhỏ các sản phẩm công nghiệp, trước khi xuất hiện công nghiệp lớn. Đặc điểm là công cụ lao động đơn giản, làm trong xưởng nhỏ của cá nhân, tuy nhiên chất lượng sản phẩm cao và có tinh thần nghệ thuật. Vì thế hiện nay các nghề thủ công mỹ nghệ vẫn còn hay dùng thuật ngữ .

Trong tiếng Pháp nghề (profession) là một loại lao động có thói quen và kỹ xảo của một người có thể là chân tay hoặc trước là hoạt động nhất định mà từ đó người ta có thể rút ra được phương tiện sinh sống.

Từ Metien trong tiếng Pháp có phần hẹp hơn, được giải thích là một loại hoạt động chân tay hoặc khi mà được thấy là có ích trong xã hội, trong khi đó từ Carrierem có phần thiên về hoạt động trí óc nhiều hơn.

Trong tiếng Anh nghề “profession” được định nghĩa là công việc chuyên làm đòi hỏi một sự đào tạo trong khoa học hoặc nghệ thuật và thường thuộc về lao động trí óc hơn là lao động chân tay, thí dụ như dạy học, làm công nghiệp, viết văn đặc biệt là ngành y, luật hoặc thần học.

Khi nói đến profession trong tiếng Anh và Mỹ người ta không có ý đến các nghề lao động chân tay. Để nói đến lao động này người ta hay dùng một từ chung là occupation hoặc một từ riêng là Vocation, chính vì thế ở Úc cũng như nhiều nước nói tiếng Anh người ta phân biệt hai thuật ngữ gồm hai tính từ có liên quan là Vocational Education và Professional Education, một từ thiên về lao động chân tay, kỹ năng, kỹ xảo thực hành một từ thiên về lao động trí óc, có trình độ cao hơn.

Trong tiếng Đức, nghề (Beruf) được định nghĩa là hoạt động cần thiết cho xã hội ở mọi lĩnh vực lao động nhất định. Cơ sở của nghề kiến thức kỹ năng và kỹ xảo, phần lớn phải được lĩnh hội dưới dạng một sự

đào tạo có hệ thống. Mọi nghề được bao quát trong một bảng danh mục hệ thống các nghề. Các nghề phân biệt với nhau thông qua các yêu cầu về nội dung trình độ chuyên môn và thời gian đào tạo. Nghề có thời gian đào tạo từ hai năm trở lên được coi là nghề được đào tạo (ausbildungsberuf).

Nội dung của nghề do nền kinh tế và xã hội xác định và phát triển cùng với sự thay đổi của đặc điểm lao động cùng với sự nâng cao của trình độ kỹ thuật sản xuất cũng như cùng với sự phân công lao động hợp tác lao động ngày càng tăng. Yêu cầu về nghề nghiệp luôn thay đổi, do đó một số nghề sẽ hợp nhất lại thành một nghề và một số nghề mới sẽ phát sinh.

Tài liệu thuật ngữ giáo dục kỹ thuật và nghề của Đức có nêu định nghĩa về "nghề" và hai khái niệm có liên quan là "việc làm, "công việc" như sau:

“ Nghề là một thuật ngữ nghĩa rộng nói đến các loại hình thức khác nhau của lao động thủ công hoặc không thủ công, là phương tiện kiếm sống khi đi làm cho người khác hay tự làm cho bản thân ”.

Việc làm ( Tiếng Anh là Employment): Bất kỳ công việc gì được trả tiền công dù làm cho người khác hay tự làm cho bản thân.

Công việc : ( Tiếng Anh là Job) là thuật ngữ nói đến một chức năng nghề nghiệp xác định hoặc một hoạt động sản xuất chuyên biệt của con người.

Tìm hiểu về khái niệm nghề và so sánh thuật ngữ nước ngoài đã nói trên chúng ta thấy các nước hiểu tương tự nhau nhưng ý nghĩa sâu xa có những phân khác nhau. Chúng ta có thể nhận thấy một số nét đặc trưng không thể thiếu của khái niệm nghề đó là:

1. Công việc chuyên làm
2. Phương tiện để sinh sống



3. Gắn với một người suốt đời hoặc ít nhất phần lớn cuộc sống
4. Có thể là làm thuê cho người khác hoặc làm cho bản thân
5. Bao gồm cả hoạt động chân tay và hoạt động trí óc
6. Phù hợp với yêu cầu của xã hội và có ích cho xã hội
7. Phân chia thành nghề được đào tạo và nghề không được đào tạo tùy theo mức độ phức tạp của nghề
8. Yêu cầu về nghề thay đổi, nội dung nghề phát triển dưới ảnh hưởng của nhiều yếu tố như kinh tế, khoa học kỹ thuật, xã hội ... do đó dẫn tới sự diệt vong của nghề và xuất hiện nghề mới.

Như vậy, khái niệm tương đơn giản nhưng thực ra là một phạm trù kinh tế- xã hội phức tạp và để đi tới thống nhất về nghề còn phải tiếp tục nghiên cứu và tranh luận. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng khái niệm nghề sau đây được coi là hợp lý và được nhiều người thừa nhận: “Nghề là một dạng xác định của hoạt động lao động do xã hội quy định, là tổng hợp của những kiến thức (hiểu biết) và kỹ năng trong lao động mà con người tiếp thu được do kết quả của đào tạo chuyên môn và tích lũy kinh nghiệm trong công việc”.

Liên quan đến khái niệm nghề còn có khái niệm nghề đào tạo. Nghề đào tạo có thể trùng với nghề của một người lao động nào đó hoặc một số nghề tạo thành; nghề đào tạo có nội dung chuyên môn là khối lượng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và phẩm chất, được đào tạo cho người học nghề trong một thời gian nhất định. Trong thực tiễn người ta thường đồng nhất giữa nghề và nghề đào tạo.

### **1.1.2 – Khái niệm về thương mại:**

Mục trên đã đưa ra được khái niệm về nghề, đó là căn cứ để xác định nghề cho ngành thương mại khi kết hợp với khái niệm về thương mại.

Thương mại là sự trao đổi hàng hoá thông qua mua bán bằng đồng

tiền trong nền kinh tế xã hội. ở đâu có mua bán hàng hoá, ở đó có thương mại.

Thương mại có thể là một hành vi làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau giữa bên bán và bên mua hàng.

Thương mại có thể là một hoạt động. Hoạt động thương mại bao gồm một, một số hoặc toàn thể các hành vi thương mại của một cá nhân, một tổ chức hoặc toàn xã hội.

Thương mại hiểu theo nghĩa rộng có vai trò quan trọng đối với việc tổ chức, quản lý và điều khiển nền kinh tế xã hội nói chung cũng như đối với hoạt động kinh doanh của từng tổ chức kinh tế (doanh nghiệp) nói riêng. Tuy nhiên trong thực tế và trong hệ thống lý thuyết hiện nay thương mại được hiểu, nghiên cứu theo nghĩa hẹp hơn. Ở góc độ này, thương mại không bao gồm tất cả các hoạt động mua bán bán các loại sản phẩm, hàng hoá khác nhau trên thị trường. Nhiều loại sản phẩm, hàng hoá mặc dù được trao đổi thông qua mua bán nhưng không được xem xét, nghiên cứu như là đối tượng của hệ thống thương mại trong nền kinh tế: sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng, vận tải...

Với giới hạn phạm vi xác định, thương mại được hiểu là một phạm trù, một lĩnh vực hoạt động của con người liên quan đến các hành vi (hoạt động) mua – bán các hàng hoá hiện vật, các dịch vụ gắn với việc mua bán hàng hoá và các hoạt động xúc tiến thương mại.

### **1.1.3 – Khái niệm nghề cho ngành thương mại:**

Thực ra không có khái niệm (hiểu theo nghĩa hẹp) nghề thương mại. Trong phân ngành kinh tế quốc dân chỉ có khái niệm ngành thương mại (trade), còn khi nói nghề là chỉ một nghề nghiệp cụ thể như nghề bán hàng và nghề mua hàng. Trong danh mục nghề đào tạo công nhân kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ (theo quyết định 59/THCN-